

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST
Ngày 26-3-2021
“V/v ly hôn giữa anh S
và chị Ng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Trung

2. Bà Trần Thị Nơi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai - thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 26-3-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2021/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2021/HNGĐ - QĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn S, sinh năm 1979 (có mặt).

ĐKKH: Thôn Ng, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Số 18, ngõ 65, tổ dân phố số 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Chị Hoàng Thị Ng, sinh năm 1985 (Chị Ng bị bệnh tâm thần phân liệt) (có mặt).

ĐKKH: Thôn Ng, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã Th, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện hợp pháp cho chị Ng là mẹ đẻ: Bà Bùi Thị Ng1, sinh năm 1958 (có mặt).

Trú tại: Thôn Đ, xã Th, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn: Ông Lưu Văn L, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn K, xã K, huyện H, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Phạm Văn S trình bày: Anh kết hôn với chị Ng là do hai bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã Q, huyện Q vào ngày 04-9-2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2012 chị Ng sinh con thứ 2 thì chị Ng bị mắc bệnh trầm cảm, anh và gia đình đã đưa chị Ng đi điều trị nhiều nơi, bệnh viện Tâm thần Thái Bình, nhưng bệnh tình không khỏi, dẫn đến trong cuộc sống vợ chồng cãi nhau, chị Ng gây ra rất nhiều khó khăn cho cuộc sống của bố con anh, làm ảnh hưởng đến việc học tập của các con. Đầu năm 2018 anh đưa chị Ng về ở với mẹ đẻ ở xã Th, vợ chồng anh sống ly thân từ tháng 01- 2018 đến nay. Hiện nay chị Ng được hưởng chế độ trợ cấp xã hội do bệnh tật là 405.000 đồng/tháng. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Ng. Do chị Ng bị bệnh nên anh tự nguyện trợ cấp cho chị Ng mỗi tháng là 500.000 đồng. Về nuôi con chung: Anh và chị Ng có 02 con chung là Phạm Hoàng Phương Th1, sinh ngày 21/7/2005 và cháu Phạm Phương Th, sinh ngày 09-02-2012. Từ khi vợ chồng sống ly thân anh trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu. Khi ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi cả 02 con, anh xin nuôi 02 con hoàn toàn, không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Anh và chị Ng, bà Ng1 tự giải quyết xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Tại các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn chị Hoàng Thị Ng, bà Bùi Thị Ng1 trình bày: Về điều kiện kết hôn giữa chị và anh S như anh S trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2012 sau khi chị sinh con thứ 2 được 5 tháng thì chị bị mắc bệnh trầm cảm, gia đình đã đưa chị Ng đi điều trị chạy chữa nhiều nơi, cả bệnh viện Tâm thần Thái Bình, nhưng bệnh tình không khỏi, đến tháng 4-2014 chị được cấp sổ để điều trị ngoại trú. Đầu năm 2018 anh S đưa chị Ng về cho gia đình bà chăm sóc ở xã Th. Vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 01- 2018 đến nay. Nay anh S có đơn xin ly hôn chị, quan điểm của chị Ng cũng nhất trí. Chị Ng, bà Ng1 nhất trí với việc anh S tự nguyện trợ cấp cho chị Ng mỗi tháng là 500.000 đồng. Về nuôi con chung: Chị và anh S có 02 con chung như anh S trình bày là đúng. Khi ly hôn chị nhất trí để anh S trực tiếp nuôi cả hai con vì hoàn cảnh chị bị bệnh chị không chăm sóc được các con. Về tài sản chung: Chị Ng, bà Ng1 và anh S tự giải quyết xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa bà Ng1 rút yêu cầu ủy quyền cho ông L là người đại diện cho bà và chị Ng.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định. Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành cơ bản đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

- Về giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 115, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho ly hôn giữa anh S và chị Ng; về con chung: Giao 2 con là Phạm Hoàng Phương Th1, sinh ngày 21/7/2005 và cháu Phạm Phương Th, sinh ngày 09-02-2012 cho anh S nuôi dưỡng, chị Ng không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Anh S và chị Ng, bà Ng1 thỏa thuận tự giải quyết xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chấp nhận sự thỏa thuận giữa anh S, chị Ng, bà Ng1 anh S cấp dưỡng cho chị Ng mỗi tháng là 500.000 đồng. Anh S phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện H nhận định:

[2] Anh S khởi kiện yêu cầu được ly hôn chị Ng, ở địa chỉ: Thôn Đ, xã Th, huyện H, tỉnh Thái Bình. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện H.

[3] *Về hôn nhân*: Anh S và chị Ng kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q vào ngày 04-9-2004 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2012, chị Ng sinh con thứ 2 thì chị Ng bị mắc bệnh trầm cảm, anh S và gia đình đã đưa chị Ng đi điều trị nhiều nơi, cả bệnh viện Tâm thần Thái Bình nhưng bệnh tình không khỏi, dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, đôi bên đã cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả, vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 01-2018 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh S, chị Ng đã căng thẳng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần xử cho ly hôn giữa anh S và chị Ng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về nuôi con chung*: Anh S và chị Ng có 02 con chung là Phạm Hoàng Phương Th1, sinh ngày 21/7/2005 và cháu Phạm Phương Th, sinh ngày 09-02-2012. Anh S, chị Ng, bà Ng1 thỏa thuận, để anh S nuôi cả 02 con, chị Ng không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 - Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Về tài sản chung*: Anh S, chị Ng và bà Ng1 thỏa thuận tự giải quyết xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

Do chị Ng bị bệnh tâm thần ngoài việc được hưởng trợ cấp xã hội mỗi tháng 405.000 đồng, chị Ng có cuộc sống khó khăn, anh S tự nguyện cấp dưỡng cho chị Ng mỗi tháng là 500.000 đồng. Hội đồng xét xử, xét thấy phù hợp với quy định tại Điều 115, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

[6] *Về án phí*: Anh S phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Điều 115, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa anh Phạm Văn S và chị Hoàng Thị Ng.
2. *Về nuôi con chung*: Giao 2 con là Phạm Hoàng Phương Th1, sinh ngày 21/7/2005 và cháu Phạm Phương Th, sinh ngày 09-02-2012 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chị Ng không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Ng có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.
3. *Về tài sản chung*: Không xem xét giải quyết.
Chấp nhận sự thỏa thuận giữa anh S, chị Ng, bà Ng1, anh S cấp dưỡng cho chị Ng mỗi tháng là 500.000 đồng, kể từ tháng 3-2021.
4. *Về án phí*: Anh S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh S đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006296 ngày 11-01-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, anh S đã nộp xong án phí.
5. Anh S, chị Ng và bà Ng1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Dương sự
- VKSND huyện H;
- Chi cục THA huyện H;
- UBND xã Q;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Trần Thị Nhàn

